

Bản án số: 161/2022/DS-ST  
Ngày: 29/12/2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng mua  
án”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN G

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Hoàng Thị Thiện Lai.
- Ông Trương Phước Công.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 523/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1962; ông Đỗ Văn B, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp Phú Hạ 2, xã Kiến Thành, huyện Chợ M, tỉnh An G; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày, Do chỗ quen biết với vợ chồng bà H, ông B nên ông bà có đến Cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm của anh T mua thức ăn để chăn nuôi vịt nhiều lần với phương thức gói đầu, sau đó hai bên có xác nhận công nợ vào ngày 25.11.2016 với số tiền 18.000.000 đồng và tiếp tục mua đến ngày 18.03.2017 hai bên kết sổ với số tiền 133.320.000 đồng, đến ngày 21.10.2018 mua và nợ thêm số tiền 7.900.000đ đến ngày 13.9.2021 mua và nợ thêm số tiền 13.500.000 đồng. Tổng cộng các lần hai bên chốt sổ vừa nợ củ và nợ M là 172.720.000 đồng. Trong quá trình mua bán với

nhau thì vợ chồng bà H, ông B có trả cho cửa hàng anh T được 11.000.000 đồng còn lại 161.720.000 đồng không thực hiện tiếp tục, anh T có đến nhà vợ chồng bà H, ông B đòi nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay anh T yêu cầu vợ chồng bà H, ông B phải có nghĩa vụ trả cho cửa hàng anh số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi vịt là 161.720.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu bảy trăm hai chục ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà thống nhất ý kiến trình bày của anh T, bà không có ý kiến gì bổ sung.

- Bị đơn ông Đỗ Văn B, bà Trương Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đã cung cấp tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì bổ sung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Do có quen biết nên ông Đỗ Văn B và bà Trương Thị H đến cửa hàng bán thức ăn gia súc, gia cầm của anh Nguyễn Hoàng T mua thức ăn để chăn nuôi vịt nhiều lần với phương thức gói đầu, cụ thể:

+ Ngày 25/11/2016 mua nợ số tiền 18.000.000 đồng;

+ Ngày 18/3/2017 mua nợ số tiền 133.320.000 đồng;

+ Ngày 21/10/2018 mua nợ số tiền 7.900.000 đồng;

+ Ngày 13/9/2021 mua nợ số tiền 13.500.000 đồng.

Tổng cộng nợ số tiền 172.720.000 đồng.

Ông B và bà H đã trả được nhiều lần với tổng số tiền 11.000.000 đồng thì không tiếp tục thực hiện. Nay anh T khởi kiện yêu cầu ông B và bà H trả số tiền 161.720.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T thống nhất với ý kiến của anh Nguyễn Hoàng T.

Xét thấy, hợp đồng mua bán thức ăn gia cầm giữa anh Nguyễn Hoàng T với ông Đỗ Văn B và bà Trương Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa Tận, phía anh T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng và phía ông B, bà H nhận đủ hàng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Sau đó, giữa anh T với ông B và bà H tiến hành đối chiếu công nợ, thể hiện ông B, bà H còn nợ ông T số tiền 161.720.000 đồng. Phía anh T có liên hệ nhiều lần với ông B, bà H để yêu cầu trả tiền nhưng không thực hiện nên việc anh T khởi kiện là phù hợp các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất, do anh T không yêu cầu tính lãi suất nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự, đề xuất:

- Công nhận hợp đồng mua bán giữa anh Nguyễn Hoàng T với ông Đỗ Văn B và bà Trương Thị H.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T.
- Buộc ông Đỗ Văn B và bà Trương Thị H có trách nhiệm liên đới trả anh Nguyễn Hoàng T số tiền 161.720.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*\* Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Nguyễn Hoàng T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn B, bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm là 161.720.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu bảy trăm hai chục ngàn đồng). Ông B, bà H có nơi cư trú ấp Phú Hạ 2, xã Kiến Thành, huyện Chợ M, tỉnh An G nên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*\* Về nội dung:*

[2] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời trình bày của bà anh T tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa anh T, bà H, ông B có thỏa Tận với nhau về việc mua bán thức ăn để chăn nuôi vịt nhiều lần với phương thức gói đầu, sau đó hai bên có xác nhận công nợ vào ngày 25.11.2016 với số tiền 18.000.000 đồng và tiếp tục mua đến ngày 18.03.2017 hai bên kết sổ với số tiền 133.320.000 đồng, đến

ngày 21.10.2018 mua và nợ thêm số tiền 7.900.000 đồng, đến ngày 13.9.2021 mua và nợ thêm số tiền 13.500.000 đồng. Tổng cộng Tổng cộng các lần hai bên chốt sổ vừa nợ cũ và nợ M là 172.720.000 đồng. số tiền các lần hai bên kết sổ vừa nợ cũ và nợ M là 172.720.000 đồng. Trong quá trình mua bán với nhau thì vợ chồng bà H, ông B có trả cho cửa hàng anh T được 11.000.000 đồng còn lại 161.720.000 đồng không thực hiện tiếp tục. Anh T có đến nhà đòi nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T nên anh T khởi kiện yêu cầu bà H, ông B có trả cho cửa hàng số tiền 161.720.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 430, 440 Bộ luật dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.*

Ông T yêu cầu ông B, bà H có nghĩa vụ trả tiền chẵn nuôi 161.720.000 đồng.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà H và ông B thì nhận thấy, giữa bà H, ông B với anh T cùng xác lập hợp đồng mua bán vay với nhau, nhưng bà H, ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T, trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, bà H, ông B không gợi ý kiến hay văn bản gì để Hội đồng xem xét, do đó Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của anh T và các tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án cũng có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của anh T. Nghĩ nên buộc bà H, ông B có nghĩa vụ trả cho ông T trả số tiền mua bán 161.720.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, do chỉ là người giao dịch cho anh T, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] *Về lãi suất:* Tại phiên tòa anh T không yêu cầu tính lãi suất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đỗ Văn B, bà Trương Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng T .

Buộc ông Đỗ Văn B, bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng T số tiền mua bán 161.720.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn B, bà Trương Thị H phải chịu 8.086.000 đồng (tám triệu không trăm tám mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hoàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.043.000 đồng (bốn triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0012631 do Chi cục thi hành án dân sự cấp ngày 17/10/2022.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An G;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu văn phòng.

**Châu Vũ Sơn**







